

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 402/2021/DS-ST

Ngày: 13/09/2021

*V/v: “Kiện tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Long.

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Long.

2. Bà: Lê Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Vỉnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Nguyên - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 13/09/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số 16/2021/TLST- DS, ngày 19 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 399/2021/QĐXXST - DS, ngày 04/08/2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 221/2021/QĐST- DS ngày 23 tháng 08 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 18, đường T, khu đô thị M1, L, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn B. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Nguyễn Đình C. Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách Ngân hàng E.

- Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Giản Thế D. Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K Đắc Lắc phòng giao dịch TT (Có mặt).

(Theo Giấy ủy quyền số: 319/UQ-NHNo-KP ngày 19/07/2021 của Giám đốc Ngân hàng E).

- Bị đơn: Bà Dương Thị L, sinh năm: 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 11, xã EK, huyện K, tỉnh Đắc Lắc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1985 (Vắng mặt).

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn 11, xã EK, huyện K, tỉnh Đắc Lắc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2020 và tại phiên toà sơ thẩm người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Giản Thế D trình bày:

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng N chi nhánh huyện K phòng giao dịch TT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Dương Thị L ký kết hợp đồng tín dụng số 5203LAV201705304, theo đó bà Dương Thị L vay của Ngân hàng số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng), đến ngày 18/12/2017 Ngân hàng tiến hành giải ngân và bà L đã nhận đủ số tiền trên; Mục đích vay tiền để sửa nhà, mua đồ dùng sinh hoạt. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 11.5%/năm, lãi suất quá hạn 17,25%/năm, lãi suất chậm trả 10%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên ngày 15 tháng 12 năm 2017 bà Dương Thị L ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 241.021.121/HĐTC để thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN004657 đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ ông Nguyễn Quốc F vào ngày 28/07/2008, thửa đất số 224a, tờ bản đồ số: 28, diện tích 1.201,5m² địa chỉ thửa đất tại xã EK, huyện K, tỉnh Đắc Lắc (thay đổi cơ sở pháp lý ngày 05/09/2014 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Dương Thị L theo hồ sơ số 24496002654CNVP). Việc thế chấp quyền sử dụng đất nói trên được sự ủy quyền của ông Nguyễn Văn H (là chồng của bà Dương Thị L) theo hợp đồng ủy quyền số 9249 do Phòng Công chứng I công chứng ngày 15/12/2017.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 241.021.121/HĐTC ngày 15 tháng 12 năm 2017 đã được công chứng tại văn phòng

công chứng TN và đã được đăng kí thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng kí đất đai huyện K ngày 15 tháng 12 năm 2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn bà Dương Thị L chỉ mới trả được cho Ngân hàng 20.010.000đ (Hai mươi triệu, không trăm mười nghìn đồng) tiền lãi, mặc dù đã được phía Ngân hàng đôn đốc nhắc nhở nhiều lần nhưng bà L không trả thêm được khoản tiền nào. Hiện nay bà Dương Thị L còn nợ lại Ngân hàng 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và một khoản tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị L, ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) tiền vay gốc và khoản lãi suất trong hạn, quá hạn theo hợp đồng tín dụng từ ngày vay đến ngày trả xong nợ. Trường hợp bà Dương Thị L, ông Nguyễn Văn H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ trên thì đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bà L, ông H đã thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng. Sau khi bà L, ông H trả xong nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho bà L 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bản gốc) mà bà L dùng để thế chấp vay vốn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản, quyết định tố tụng cho bị đơn bà Dương Thị L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H theo quy định nhưng đến ngày xét xử sơ thẩm bà L và ông H không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Dương Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H đã vi phạm tại các Điều 70, 72, 73 và điểm b, khoản 2, Điều 227 và Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39 BLTTDS; Điều 323, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N. Buộc bà Dương Thị L, ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) tiền vay gốc và lãi suất phát sinh theo hợp đồng từ ngày vay đến ngày trả xong nợ. Trường hợp bà L, ông H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì đề nghị Toà án nhân dân huyện Krông Pắc tuyên quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng. Sau khi bị đơn, người liên quan đã trả hết nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho bà Dương Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng N, Tòa án xác định quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 BLTTDS và Điều 463 BLDS năm 2015.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện, bị đơn bà Dương Thị L có nơi cư trú tại Thôn 11, xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Dương Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà Dương Thị L, ông Nguyễn Văn H liên đới trả toàn bộ số tiền gốc là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, Hội đồng xét xử nhận định: Ngày 15 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng và bà Dương Thị L ký kết hợp đồng tín dụng số 5203LAV201705304, theo đó bà L vay của Ngân hàng số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng), ngày 18/12/2017 Ngân hàng tiến

hành giải ngân và bà L đã nhận đủ số tiền trên; Mục đích vay tiền để sửa nhà, mua đồ dùng sinh hoạt. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, lãi suất hai bên thỏa thuận là 11,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 17,25%/năm, lãi suất chậm trả 10%/năm. Xét việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không trái với quy định của pháp luật nên Tòa án công nhận hợp đồng tín dụng được ký kết giữa bà Dương Thị L với Ngân hàng là có thực, hợp pháp. Hiện nay đã quá hạn trả nợ như đã cam kết theo hợp đồng nhưng bà L chỉ mới trả cho Ngân hàng được 20.010.000đ (Hai mươi triệu không trăm mười nghìn đồng) tiền lãi, ngoài ra chưa thanh toán được khoản nào thêm. Như vậy bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng đã ký kết và theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Xét yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ nên cần buộc bà Dương Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) tiền vay gốc là phù hợp.

Về lãi suất: Theo thỏa thuận của các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nói trên thì mức lãi suất trong hạn 11,5%/năm, lãi suất quá hạn 17,25%/năm, lãi suất chậm trả 10%/năm nhưng nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất chậm trả. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, để tính lãi suất theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể như sau:

- Tiền lãi trong hạn từ ngày 19/12/2017 đến ngày 18/12/2018 (12 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày giải ngân): $180.000.000đ \times 365 \text{ ngày} \times 11,5\%/năm : 365 = 20.700.000đ$.

- Tiền lãi quá hạn từ ngày 19/12/2018 đến ngày 13/09/2021: $180.000.000đ \times 999 \text{ ngày} \times 17,25\%/năm : 365 = 84.983.425đ$.

Tổng số tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là: 105.683.425đ.

Bà Dương Thị L đã trả được 20.010.000đ, số tiền lãi còn phải tiếp tục trả là 85.673.000 đồng (đã làm tròn số).

Như vậy cần buộc bà Dương Thị L phải trả cho Ngân hàng N số tiền 265.673.000đ (Hai trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày 14/09/2021 cho đến khi thi hành án xong, bà Dương Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 17,25%/năm.

Về trách nhiệm liên đới trả nợ của ông Nguyễn Văn H: Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng thì ông Nguyễn Văn H và bà Dương Thị L là vợ chồng, mặc dù ông H không trực tiếp ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nhưng để bà L vay vốn của Ngân hàng thì ông H đã ký hợp đồng ủy quyền cho bà L được đại diện thay mặt ông H thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất của vợ chồng để vay vốn của Ngân hàng. Mặt khác, tại hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N và bà Dương Thị L đã ký kết thể hiện mục đích vay là mua đồ dùng sinh hoạt, sửa nhà ở. Vì vậy, căn cứ theo Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình cần buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Dương Thị L trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp.

[4] Về hợp đồng thế chấp: Để bảo đảm khoản vay thì bà Dương Thị L, ông Nguyễn Văn H đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản gồm: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 224a, tờ bản đồ số: 28, diện tích 1.201,5m² địa chỉ thửa đất tại xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN004657 đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ ông Nguyễn Quốc F vào ngày 28/07/2008 (thay đổi cơ sở pháp lý ngày 05/09/2014 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Dương Thị L theo hồ sơ số 24496002654CNVP). Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 241.021.121/HĐTC ngày 15 tháng 12 năm 2017 đã được công chứng tại văn phòng công chứng TN và đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K ngày 15 tháng 12 năm 2017.

Xét việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa các đương sự đã ký kết là tự nguyện, tuân thủ nội dung và hình thức theo quy định nên việc thế chấp trên của các bên đương sự là hợp pháp, đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, trường hợp bà Dương Thị L, ông Nguyễn Văn H không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng N có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ.

Sau khi bà L, ông H thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại cho bà Dương Thị L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà L đã thế chấp cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH - 14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án. Buộc bà Dương Thị L, ông Nguyễn Văn H phải nộp 13.284.000đ (Mười ba triệu, hai trăm tám mươi

tư nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo mức 265.673.000đ x 5% = 13.284.000đ. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 5.027.000đ (Năm triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số AA/2019/0017762 ngày 12/01/2021.

[6] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn Ngân hàng N đã nộp 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tiền tạm ứng lệ phí đăng tin và Tòa án đã chi phí hết 3.447.000đ (Ba triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng). Việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện theo yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn Ngân hàng N phải chịu toàn bộ lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Đối với số tiền tạm ứng chi phí đăng tin còn lại là 553.000đ (Năm trăm năm mươi ba nghìn đồng) đã được Tòa án hoàn trả cho đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn theo biên bản giao nhận ngày 25/4/2021.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, 147, khoản 2 Điều 180, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 317, 318, 323; Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bà Dương Thị L, ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền 265.673.000đ (Hai trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Trong đó tiền vay gốc là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi suất là 85.673.000đ (Tám mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày 14/09/2021 cho đến khi thi hành án xong, bà Dương Thị L, ông Nguyễn Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 17,25%/năm.

Sau khi bà Dương Thị L, ông Nguyễn Văn H thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại cho bà Dương Thị L tài sản đã thế chấp gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AN004 657 do UBND huyện Krông Pắc cấp cho hộ ông Nguyễn Quốc F ngày 28/07/2008 đối với thửa đất số 224a, tờ bản đồ số: 28, diện tích 1.201,5m² địa chỉ thửa đất tại xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (thay đổi cơ sở pháp lý ngày 05/09/2014 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Dương Thị L theo hồ sơ số 24496002654CNVP) (Bản chính).

Trường hợp bà Dương Thị L, ông Nguyễn Văn H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng N có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 224a, tờ bản đồ số: 28, diện tích 1.201,5m² địa chỉ thửa đất tại xã EK, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN004 657 đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ ông Nguyễn Quốc F vào ngày 28/07/2008 (thay đổi cơ sở pháp lý ngày 05/09/2014 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Dương Thị L theo hồ sơ số 24496002654CNVP).

Về án phí: Bà Dương Thị L và ông Nguyễn Văn H phải nộp 13.284.000đ (Mười ba triệu, hai trăm tám mươi tư nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 5.027.000đ (Năm triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số AA/2019/0017762 ngày 12/01/2021.

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng N phải chịu 3.447.000đ (Ba triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) tiền lệ phí, được khấu trừ vào 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp cho Tòa án vào ngày 26/03/2021. Đối với số tiền tạm ứng chi phí đăng tin còn lại là 553.000 đồng (Năm trăm năm mươi ba nghìn đồng) đã được Tòa án hoàn trả cho đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn theo biên bản giao nhận ngày 25/4/2021.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Dương Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS Huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Long